

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC VIẾT TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ QUYẾT THẮNG THÀNH PHỐ SƠN LA

Nguyễn Thị Lan Phương¹, Nguyễn Văn Tăng²

¹Trường Đại học Tây Bắc

²UBND huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 11/6/2024

Ngày nhận đăng: 26/7/2024

Từ khoá: Năng lực ngôn ngữ
năng lực viết
dạy học tiếng Việt.

TÓM TẮT

Tiếng Việt là ngôn ngữ phổ thông và là ngôn ngữ chính thức trong giáo dục nhưng đối với học sinh THCS nói chung và đặc biệt đối với học sinh trường THCS Quyết Thắng nói riêng, việc nói và viết đúng tiếng Việt luôn là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu. Báo cáo tập trung khảo sát và đánh giá thực trạng năng lực viết tiếng Việt của học sinh Trường Trung học Cơ sở Quyết Thắng, tỉnh Sơn La trên cơ sở những bài làm văn ở các bình diện chính tả, từ ngữ và câu. Những số liệu và kết quả khảo sát sẽ là căn cứ thực tiễn để tiếp tục nghiên cứu và đưa ra biện pháp nhằm nâng cao năng lực viết tiếng Việt cho học sinh Trường Trung học Cơ sở Quyết Thắng, thành phố Sơn La.

1. Đặt vấn đề

Tiếng Việt là ngôn ngữ giao tiếp chung giữa các dân tộc, là tiếng phổ thông của Việt Nam và là ngôn ngữ chính thức trong giáo dục. Do đó, ngoài việc đảm nhận chức năng trang bị kiến thức như các môn học khác, tiếng Việt còn đảm nhận chức năng quan trọng nữa là trang bị cho học sinh công cụ để giao tiếp, giúp học sinh lĩnh hội và diễn đạt các kiến thức khoa học được giảng dạy trong các môn học khác. Trong quá trình giao tiếp cũng như học tập, học sinh (HS) vẫn gặp phải rất nhiều khó khăn trong quá trình nói và viết tiếng Việt.

Nói đến năng lực sử dụng ngôn ngữ là nói tới khả năng sử dụng thành thạo 4 kĩ năng: nói, nghe, đọc, viết. Ngôn ngữ viết là giai đoạn thứ hai trong sự lĩnh hội lời nói, nhưng cũng là giai đoạn đánh dấu sự hoàn thiện ngôn ngữ. Nó vừa thể hiện được năng lực giao tiếp vừa thể hiện năng lực tư duy. Năng lực viết tiếng Việt thể hiện rõ nhất khả năng tư duy, khả năng phán đoán, lập luận, bày tỏ quan điểm chính kiến về thế giới khách quan, về các vấn đề trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, năng lực viết tiếng Việt của HS còn rất nhiều hạn chế. Việc phát âm chưa chuẩn chính tả tiếng Việt, vốn từ vựng hạn chế, khả năng diễn đạt chưa tốt, việc ảnh hưởng của ngôn ngữ nói đến ngôn ngữ viết... khiến cho phần lớn HS gặp trở ngại trong quá

trình tạo lập văn bản viết. Do vậy, việc khảo sát thực trạng viết tiếng Việt để góp phần nâng cao năng lực viết tiếng Việt cho HS là hết sức cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu khái quát về Trường Trung học Cơ sở Quyết Thắng, Thành phố Sơn La và đối tượng khảo sát

2.1.1. Giới thiệu khái quát về Trường Trung học Cơ sở Quyết Thắng, Thành phố Sơn La

Trường Trung học Cơ sở (THCS) Quyết Thắng là một ngôi trường nằm giữa trung tâm thành phố Sơn La, là tiền thân của trường Phổ thông Cơ sở Quyết Thắng A - thị xã Sơn La. Trường Phổ thông Cơ sở Quyết Thắng A được thành lập từ năm 1976, tiền thân trường mang tên anh hùng liệt sĩ Bế Văn Đàn. Trường đóng trên địa bàn phường Quyết Thắng, thị xã Sơn La - địa bàn trung tâm của thị xã Sơn La trước đây, gồm 15 tổ, 01 bản, 12 dân tộc anh em cùng sinh sống, là địa bàn dân cư đông đúc sống bằng nhiều ngành nghề khác nhau như: sản xuất kinh doanh, nông lâm nghiệp, dịch vụ,...

Những năm đầu mới thành lập, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, trang thiết bị dạy học hầu như không có, lớp học gianh tre, dột nát, bàn ghế ghép bằng tre, gỗ. Trong những năm đó,

trường phải học ba ca liên tục vì không đủ lớp học. Đời sống của đội ngũ cán bộ giáo viên vô cùng vất vả đồng lương ít ỏi nhưng các thầy cô vẫn bám trường bám lớp, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Từ năm 1999, trường THCS Quyết Thắng A được tách thành hai trường THCS Quyết Thắng và trường Tiểu học Quyết Thắng. Tháng 3 năm 2000, trường được tiếp nhận cơ sở mới khang trang nằm trên địa bàn tổ 6 phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La với khuôn viên rộng 2624 m² gồm hai dãy nhà 4 tầng, một nhà hiệu bộ, trang thiết bị dạy học cũng được cung cấp và bổ sung.

Trường luôn là một trong những trường đứng đầu trên địa bàn và đạt được rất nhiều thành tích cao như: nhân được Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục Đào tạo, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân tỉnh, Công đoàn giáo dục Việt Nam tặng bằng khen... Năm 2005, nhà trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La công nhận là trường Trung học Cơ sở đạt trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 - 2010. Trường là nơi nhiều thế hệ giáo viên và học sinh nuôi dưỡng khát vọng vươn lên. Từ năm 2011 đến nay nhà trường luôn luôn nỗ lực phấn đấu tạo dựng môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng dạy học ngày một nâng cao. Trường được công nhận là một trong những đơn vị giáo dục có chất lượng cao trong Thành phố, góp phần vào sự nghiệp giáo dục của Thành phố Sơn La nói riêng và tỉnh Sơn La nói chung.

Trải qua gần 50 năm xây dựng và phát triển, các thế hệ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn kiên trì phấn đấu, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách để hoàn thành xuất sắc mục tiêu giáo dục, góp phần quan trọng cho sự phát triển của ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh Sơn La.

Trong năm học 2023 – 2024 trường THCS Quyết Thắng có tổng số 48 cán bộ, giáo viên và nhân viên (Trong đó: cán bộ quản lý: 03; giáo viên: 42; nhân viên: 03; giáo viên nữ: 42; dân tộc: 5; nữ dân tộc: 4) được chia thành 3 tổ chuyên môn:

- + Tổ chuyên môn Khoa học tự nhiên: 18 giáo viên
- + Tổ chuyên môn Khoa học xã hội: 14 giáo viên
- + Tổ chuyên môn Văn phòng và các môn chuyên: 3 nhân viên và 20 giáo viên
- Cơ cấu tổ chức Đảng, đoàn thể:
- + Chi bộ: 42 đảng viên chính thức.

+ Công đoàn: 48 công đoàn viên.

+ Chi đoàn: 09 đoàn viên.

2.1.2. Giới thiệu về đối tượng khảo sát

Về HS các khối, lớp của trường Trung học Cơ sở Quyết Thắng, Thành phố Sơn La

Tổng số học sinh toàn trường: 1019 em

+ Lớp 6: 332 HS/ 7 lớp

+ Lớp 7: 251 HS/ 6 lớp

+ Lớp 8: 206 HS/ 5 lớp

+ Lớp 9: 230 HS/ 5 lớp.

2.2. Về thành phần dân tộc:

Các em chủ yếu là dân tộc Kinh (chiếm khoảng 69,7%), dân tộc Thái (chiếm khoảng 22,9%), học sinh dân tộc Mường (chiếm khoảng 3,2%), học sinh dân tộc Mông chiếm số lượng rất ít (chiếm 2,6%), học sinh thuộc nhóm các dân tộc đặc biệt ít người như Cống, Sila (chiếm 1,6%).

Nghiên cứu vấn đề này, chúng tôi thực hiện khảo sát trên cứ liệu từ những bài làm văn trong chương trình dạy học môn Làm văn của HS THCS Quyết Thắng, tỉnh Sơn La gồm tổng số 154 bài văn của HS ở cả 4 khối lớp, cụ thể: Lớp 6A, 6B, 7A, 7B, 8A, 8B, 9A, 9B.

2.3. Khái quát về năng lực ngôn ngữ và năng lực viết tiếng Việt

Năng lực ngôn ngữ theo [1] là năng lực quan trọng, ở cấp trung học cơ sở học sinh cần “phân biệt được các loại văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin; đọc hiểu được cả nội dung tường minh và nội dung hàm ẩn của các loại văn bản; viết được đoạn và bài văn tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng hoàn chỉnh, mạch lạc, logic, đúng quy trình và có kết hợp các phương thức biểu đạt; nói dễ hiểu, mạch lạc; có thái độ tự tin, phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp; nghe hiểu với thái độ phù hợp”. [1] cũng nêu rõ, “Ở lớp 6 và lớp 7: viết được bài văn tự sự, miêu tả và biểu cảm; bước đầu biết viết bài văn nghị luận, thuyết minh, nhật dụng. Ở lớp 8 và lớp 9: viết được các bài văn tự sự, nghị luận và thuyết minh hoàn chỉnh, theo đúng các bước và có kết hợp các phương thức biểu đạt”; “viết văn bản tự sự tập trung vào yêu cầu kể lại một cách sáng tạo những câu chuyện đã đọc; những điều đã chứng kiến, tham gia; những câu chuyện tưởng tượng có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu

cảm; văn bản miêu tả với trọng tâm là tả cảnh sinh hoạt (tả hoạt động); văn bản biểu cảm đối với cảnh vật, con người và thể hiện cảm nhận về tác phẩm văn học; biết làm các câu thơ, bài thơ, chủ yếu để nhận biết đặc điểm một số thể thơ quen thuộc; viết được văn bản nghị luận về những vấn đề cần thể hiện suy nghĩ và chủ kiến cá nhân, đòi hỏi những thao tác lập luận tương đối đơn giản, bằng chứng dễ tìm kiếm; viết được văn bản thuyết minh về những vấn đề gần gũi với đời sống và hiểu biết của học sinh với cấu trúc thông dụng; điền được một số mẫu giấy tờ, soạn được một số văn bản nhật dụng như biên bản ghi nhớ công việc, thư điện tử, văn bản tường trình, quảng cáo và bài phỏng vấn. Viết đúng quy trình, biết cách tìm tài liệu để đáp ứng yêu cầu viết văn bản; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và biết cách trích dẫn văn bản.”

Để đạt được những mục tiêu trên, HS trước hết cần được rèn luyện năng lực viết tiếng Việt một cách chính xác và chuẩn mực trên các bình diện: chính tả, từ ngữ và câu.

Khảo sát năng lực viết tiếng Việt của học sinh trường THCS Quyết Thắng, Thành phố Sơn La

Chúng tôi thực hiện khảo sát các bình diện của năng lực viết tiếng Việt trên cơ sở ngữ liệu từ những bài làm văn với tổng số 154 bài viết của học sinh ở cả 4 khối lớp, cụ thể như sau:

Lớp 6A + 6B: 40 học sinh

Lớp 7A + 7B: 40 học sinh

Lớp 8A + 8B: 37 học sinh
Lớp 9A + 9B: 37 học sinh

2.3.1. Khảo sát năng lực viết tiếng Việt của HS ở bình diện chính tả, từ ngữ

2.3.1.1. Ở bình diện ngữ âm - chính tả

Khác với phương diện ngữ âm có nhiều biến thể ở từng địa phương, những cách thức nhận giọng đặc trưng theo vùng, miền: chữ viết tiếng Việt có xu hướng được trình bày theo chuẩn ngôn ngữ toàn dân mà phương ngữ Bắc là cơ sở. Tuy nhiên, khi viết, kể cả HS người Bắc vẫn mắc rất nhiều lỗi chính tả.

Ngôn ngữ viết mang tính xã hội cao. So với lời nói miệng, ngôn ngữ viết luôn có những chuẩn mực riêng. Chuẩn mực này ngay từ khi mới bắt đầu đi học, HS đã được giáo viên hướng dẫn để có thể viết đúng chuẩn mực tiếng Việt. Song trong thực tế sử dụng tiếng Việt, HS

vẫn mắc rất nhiều lỗi về phương diện chữ viết. Qua khảo sát tình hình viết tiếng Việt của HS THCS Quyết Thắng, tỉnh Sơn La, có đến 120/154 HS thừa nhận thường xuyên mắc lỗi ở phương diện chữ viết. Chúng tôi đã thống kê được những lỗi cơ bản về chữ viết như sau:

a) Vi phạm quy tắc chính tả

Có thể nói chính tả là một vấn đề có tính phổ quát đối với mọi thứ chữ viết ghi âm được dùng hiện nay trên thế giới. Ở mọi thứ chữ viết ghi âm, bao giờ cũng có vấn đề nên viết thế nào cho đúng chính tả. Sở dĩ có tình trạng này là do trong ngôn ngữ luôn luôn có tình trạng không khớp nhau hoặc ít hoặc nhiều giữa âm và chữ. Chữ viết ghi âm được đặt ra là để ghi lại ngôn ngữ âm thanh. Nhưng ngôn ngữ âm thanh của con người luôn biến đổi theo thời gian, còn chữ viết lại có xu hướng bảo thủ. Qua thời gian, sự khác biệt giữa âm và chữ tích tụ lại ngày càng nhiều gây khó khăn cho chính tả. Bên cạnh đó, trong một đất nước thống nhất, dùng chung một ngôn ngữ thì bao giờ cũng tồn tại nhiều phương ngữ khác nhau, với những cách phát âm khác nhau dựa trên cơ sở một chính tả chung. Điều này dẫn đến tình trạng có nhiều lỗi chính tả đặc trưng cho từng vùng. Chẳng hạn, chính tả phân biệt tr và ch, s và x, r và d... nhưng cách phát âm của nhiều địa phương Bắc Bộ không có sự phân biệt này, vì vậy rất dễ viết lẫn lộn các chữ này với nhau. Hay những lỗi phát âm của các vùng, miền khác nhau, các dân tộc khác nhau cũng dẫn đến những lỗi chính tả khác nhau. Các dân tộc ở Sơn La hay mắc các lỗi phát âm và chính tả như: b và v, l và đ... Khảo sát các bài văn của học sinh, các em thường mắc những lỗi chính tả như:

- Lỗi nhầm lẫn phụ âm đầu:

+ Lẫn lộn l-đ:

Hàng ngày mẹ em lì đằm nương từ sớm lén chiều mới về.

+ Lẫn lộn s-x:

(2) Thánh gióng xình ra trong 1 gia đình nghèo.

(3) Bạn Mai càng lớn càng sinh. Bạn Mai luôn là học sinh suất xắc của lớp.

(4) Mẹ em hàng ngày đi bán xổ xổ để lấy tiền nuôi em.

+ Lẫn lộn r-d:

(5) Chia tay cô giáo em dắt súc động;

(6) Cứ thấy cảnh ngèo khó, nước mắt bà ấy lại chảy đạ.

(7) Trong cuộc sống nhiều người cho dàng thể thao là không cần thiết.

(8) Có một anh chàng tên Đế Mèn đắt cường chàng

+ Lẫn lộn b-v:

(9) Vố em mang bề món quà sinh nhật đựng trong một cái hộp buông bắn.

+ Lẫn lộn l-n:

(10) Hãy tự hào về bản thân mình dù bạn có như thế lào đi chăng lừa.

+ Lẫn lộn d – gi:

(11) Sau mấy năm không gặp, tôi xuýt không nhận gia cô ấy nữa. Rạo này cô ấy béo da, chứ không gầy và đen như trước.

+ Lẫn lộn l-n:

(12) Ông cha ta đã dạy: có chí thì lên.

(13) Mai nà đưa trẻ nhút nhát nhất nóp. Con người ta cần phải có nòng tốt, biết thương yêu và giúp đỡ mọi người.

- Lỗi nhầm lẫn phụ âm cuối:

+ Lẫn lộn p-t:

(14) Nhưng bệnh tập không thể làm lay chuyển ý chí quyết tâm bảo vệ tổ quốc, hoàn thành suất sắc nhiệm vụ được giao của ông ấy.

+ Lẫn lộn n-ng:

(15) Cả một vùng rừng núi hoan vu, không một bóng người.

+ Lẫn lộn ch-nh:

(16) Qua cuộc đời tôi, tôi muốn nhắc nhở con cháu đời sau nên biết cảnh giác trước kẻ đình.

Lỗi nhầm lẫn phần vần

(17) Bạn ấy luân dẫn đầu lớp về mặt học tập.

(18) Cuối tuôn trước cả nhà em có chiến đi chơi rất vui.

(19) Trong vườn có nhiều loại hao quả khác nhau. Chúng em được tự tại hái những lại quả mình thích.

Lỗi của phương ngữ Bắc Bộ thường là những lỗi phụ âm đầu những tuy nhiên cũng có một số lỗi là do cách phát âm của tiếng mẹ đẻ, đặc biệt là HS dân tộc thiểu số. Theo khảo sát của chúng tôi, có 105/154 thừa nhận mình thường mắc phải lỗi chính tả này.

b) Vi phạm quy tắc viết hoa

Quy tắc viết hoa là một quy tắc cơ bản, thông thường nhất của tiếng Việt. Ngay khi bước vào học chữ, học sinh đã được làm quen

với quy tắc này. Đặc biệt, trong chương trình Tiểu học các em đã được rèn luyện rất kỹ về quy tắc viết hoa. Tuy nhiên trong các bài văn viết của học sinh vẫn còn viết hoa rất tùy tiện (không viết hoa tên người, tên địa lý, đầu câu, đầu đoạn hoặc viết hoa tự do).

Ví dụ:

(20) Trong số các truyền thuyết của việt nam em thích nhất là tác phẩm thánh gióng.

(21) bác hồ chí minh đã từng khẳng định: đoàn Kết, đoàn Kết, đại đoàn Kết; thành công, thành công, đại Thành Công.

(22) Anh Đã Trở về với Đất nơi Tình Yêu mà Anh Đã sinh ra.

(23) Tôi là an duong vuong, vua của nước âu lac cũng là cha của mị châu.

c) Lỗi thanh điệu (dùng sai thanh điệu, đánh nhầm vị trí dấu thanh)

Đối với tiếng Việt, thanh điệu có vai trò rất quan trọng. Thanh điệu vừa là một loại âm vị (siêu đoạn tính) vừa có tác dụng tạo âm sắc cho ngôn ngữ. Trong các bài viết của học sinh thuộc nhóm đối tượng khảo sát, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều lỗi thanh điệu như dùng sai thanh điệu, đánh nhầm vị trí dấu thanh...

Nhiều em mắc lỗi sử dụng thanh sắc và ngã; thanh hỏi và nặng.

(24) Em muốn vé một bức tranh về gia đình thân yêu cua em.

(25) Những câu chuyện ông tôi kể luôn khiến tôi chú ý.

(26) Ngoài việc thích chơi thê thao em còn thích học vé nửa.

Những lỗi nhầm lẫn giữa các thanh hỏi - ngã - nặng phần lớn cũng là do cách phát âm sai do ảnh hưởng của ngôn ngữ dân tộc của các em dẫn đến chữ viết thiếu chuẩn.

Lỗi sử dụng kí hiệu, viết tắt, viết số:

Hiện nay trong bài làm của HS thường xuất hiện những lỗi viết tắt có thể do thói quen sử dụng ngôn ngữ “chất” của một số bạn trẻ hiện nay. Có không ít chữ viết tắt rất khó hiểu như: Ông nội em trước kia là GV (giáo viên), 2005 viết tắt là 2k5, không thích viết tắt là k thích...

Hiện tượng HS dùng chữ số trong văn viết là khá phổ biến. Chẳng hạn như:

(27) Cô giáo em là 1 người rất hiền lành và yêu thương chúng em.

(28) *Bài thơ Gánh mẹ là 1 bài thơ rất ý nghĩa.*

(29) *Hiện nay, xuất hiện 1 giới tính thứ 3 khác hoàn toàn với 2 loại giới tính phổ biến đã được công nhận, gây tranh cãi trên toàn cầu.*

2.3.1.2. Ở bình diện từ ngữ

Khi nói hay khi viết đều phải dùng từ. Từ là đơn vị ngôn ngữ đã có sẵn, thuộc kho từ vựng của ngôn ngữ và tồn tại trong tiềm năng ngôn ngữ của mỗi người. Nó là tài sản chung của xã hội. Khi giao tiếp, mỗi người huy động vốn tài sản đó để tạo ra lời nói hoặc văn bản. Trong đó sự phong phú hay nghèo nàn về vốn từ là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của giao tiếp. Trong thực tiễn sử dụng ngôn ngữ của HS Trường THCS Quyết Thắng, Thành phố Sơn La, tôi thấy có rất nhiều hiện tượng lệch chuẩn.

a) *Dùng từ không đúng với âm thanh và hình thức cấu tạo*

Trong chữ viết của ta (chữ Quốc ngữ) - thứ chữ theo nguyên tắc ghi âm, âm thanh và hình thức cấu tạo của từ được ghi lại bằng các chữ cái. Từ là đơn vị có nhiều bình diện, trong đó không thể thiếu âm thanh và hình thức cấu tạo. Âm thanh và hình thức cấu tạo là mặt vật chất, là cái biểu đạt. Cho nên khi viết văn bản, cần ghi lại đúng âm thanh và hình thức cấu tạo của từ được sử dụng. Tuy nhiên, trong thực tế không ít HS vẫn mắc lỗi này.

(30) *Nhớ những lần mẹ bị ốm, em đã nhớ nhẹ đến bên giường mẹ, ôm lấy mẹ và nói: con yêu mẹ.*

b) *Dùng từ không đúng nghĩa*

Nội dung ý nghĩa là một bình diện của từ. Nó là cái được biểu đạt của mỗi từ. Muốn đạt được hiệu quả trong giao tiếp, khi nói cũng như khi viết, phải dùng từ cho đúng với ý nghĩa của từ. Điều này có nghĩa là, từ được dùng phải biểu hiện được chính xác nội dung cần thể hiện (ý nghĩa của từ phải phù hợp với nội dung định thể hiện). Mặt khác, nghĩa của từ bao gồm cả thành phần nghĩa sự vật, cả thành phần nghĩa biểu thái (biểu hiện thái độ, tình cảm, cảm xúc của con người). Vì thế, khi dùng từ cần phải đạt được yêu cầu vừa đúng về nghĩa sự vật, vừa đúng về nghĩa biểu thái, biểu cảm. Từ tiếng Việt có thể biểu hiện một nghĩa hoặc nhiều nghĩa, từ được dùng phải biểu hiện được chính xác nội dung cần thể hiện. Vì

vậy, khi dùng từ đặt câu, viết đoạn học sinh thường hay mắc lỗi này vì các em không biết nghĩa, hiểu sai nghĩa hoặc hiểu chưa trọn vẹn nghĩa của từ mà mình dùng trong hoàn cảnh cụ thể. Trong các bài văn của HS, chúng tôi thấy có nhiều trường hợp sử dụng từ không chính xác với nội dung định thể hiện. Chẳng hạn như những trường hợp sau:

(31) *Bài thơ Gánh mẹ là một bài thơ hay và là một truyện đọc có tính giáo dục cao.*

Ở về *Bài thơ Gánh mẹ* là một *bài thơ* hay phù hợp với nội dung mà HS này muốn biểu đạt nhưng là một *truyện đọc* có tính giáo dục cao không phù hợp với về trước của câu. Ở câu này HS muốn diễn đạt là *Bài thơ Gánh mẹ* là một *bài thơ* hay và là một *bài thơ* có tính giáo dục cao.

(32) *Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh diễn ra rất sôi nổi. Câu này HS đang sử dụng sai từ “sôi nổi” phải dùng từ “quyết liệt” mới đúng với ý nghĩa của câu.*

(33) *Em rất thích học múa và nhạc nhưng bây giờ bố mẹ lại muốn em dừng học múa để chuyển hẳn sang học nhạc. Em bâng khuâng không biết nên lựa chọn thế nào. Lỗi dùng từ “bâng khuâng” không đúng chỗ. Trong câu này HS phải dùng từ “băn khoăn”.*

c) *Dùng từ sai phong cách*

Mỗi phong cách ngôn ngữ của văn bản được sử dụng trong một phạm vi nhất định của cuộc sống xã hội và nhằm thực hiện một mục tiêu giao tiếp. Do đó, mỗi phong cách văn bản đòi hỏi và cho phép việc dùng những lớp từ, nhóm từ nhất định. Có những từ dùng được trong mọi phong cách văn bản, nhưng có những từ chỉ thích hợp hoặc chỉ được dùng trong một phong cách ngôn ngữ nào đó. Khi dùng từ trong văn bản, nếu không ý thức rõ về phong cách văn bản để dùng từ cho phù hợp thì sẽ mắc lỗi về phong cách, ví dụ:

(34) *Bạn Hà là con bạn thân nhất của em. Bạn rất hiền lành và chăm chỉ. Ngày nào con bé ấy cũng sang gọi em cùng đi học.*

(35) *Mỗi con người trong cuộc sống này đều có một giá trị tốt, xấu riêng và không ai có thể giống nhau. Và em cũng có một giá trị riêng cho bản thân em.*

(36) *Những bông hoa đại mọc bên lề đường trông thật mới mẻ làm sao.*

Qua khảo sát những bài văn của HS, chúng tôi nhận thấy phần lớn các lỗi về phong cách là do các em đưa khẩu ngữ vào trong bài viết của mình. Có những cách diễn đạt vốn chỉ thích hợp với phong cách sinh hoạt thường ngày HS lại đưa vào bài viết. Cách viết này có xu hướng rời xa chuẩn mực và có phần chịu tác động của thói quen nói hàng ngày.

d) *Hiện tượng lặp từ, thừa từ*

Văn bản viết cần phải cô đọng vừa đủ về dung lượng. Do đó, trong việc dùng từ cần tránh hiện tượng thừa từ, lặp từ khi không cần thiết.

(37) Trong truyện cổ tích có nhiều chi tiết tưởng tượng, kì ảo nên em rất thích đọc truyện cổ tích.

(38) Trong số những truyền thuyết em thích thì em thích truyền thuyết Thánh Gióng.

(39) Các tác giả đều có đầu óc sáng tạo và phong phú và tạo nên nét đẹp riêng cho chính mình.

2.3.1.3. Khảo sát năng lực viết tiếng Việt của học sinh ở bình diện câu

a) *Về phương diện cấu tạo câu*

Sai cú pháp câu là vấn đề quan trọng thứ ba cần nói đến. Đa số các giáo viên dạy văn đều có chung một nhận xét: trong quá trình dạy văn, rất nhiều học sinh mắc phải lỗi này. Cú pháp câu dùng để viết văn, để tạo nên một câu hoàn chỉnh gồm: Chủ ngữ + Vị ngữ (đây là hai thành phần chính trong câu). Ngoài ra, các thành phần trạng ngữ, bổ ngữ,... là các thành phần phụ cung cấp thêm thông tin làm nổi bật thành phần chính của câu. Ở các bài tập làm văn mà người viết khảo sát, nhiều HS đã biết cách viết câu đúng cú pháp. Tuy nhiên, ở nhiều bài viết, chúng tôi nhận thấy có HS vẫn mắc các lỗi về cấu tạo câu như: Câu thiếu thành phần:

(40) *Tuy thế, tình yêu thương trong giới trẻ hiện nay.*

Câu này chỉ có thành phần chủ ngữ tình yêu thương trong giới trẻ hiện nay.

Hoặc câu sai quan hệ ngữ pháp giữa các vế:

(41) *Mặc dù tôi vẽ được nhiều bức tranh mà tôi lại không thích chúng.*

Hai vế trong câu trên có quan hệ nghịch đối tương phản nên cặp quan hệ từ đúng là: *mặc dù... nhưng...*

(42) *Vì các bạn trẻ say mê chơi game là không có thời gian dành cho học tập.*

Hai vế trong câu trên có quan hệ nhân quả tương phản nên cặp quan hệ từ đúng là: *Vì... nên...*

Cũng như lỗi chính tả hay lỗi dùng từ, lỗi câu cũng là một lỗi rất phổ biến trong các bài văn viết của HS: 102/154 (66.2%) HS được hỏi cho biết mình thường xuyên mắc phải loại lỗi này.

b) *Lỗi về dấu câu*

Dấu câu có tác dụng đánh dấu chỗ kết thúc câu, để ngăn cách câu ấy với những câu khác trong văn bản; đánh dấu ranh giới giữa các thành phần đồng chức với nhau; đánh dấu ranh giới giữa các vế của câu ghép... Khi đặt câu, người viết phải đặc biệt chú ý đến việc đặt dấu câu làm cho các quan hệ về ngữ pháp, ngữ nghĩa được tách bạch, rõ ràng, tránh để người đọc có thể hiểu sai ý nghĩa của câu. Trong ngữ liệu khảo sát, chúng tôi nhận thấy HS vẫn hay viết những câu dài, ngắt câu sai quy tắc, thừa/thiếu dấu câu hay dùng sai chức năng dấu câu. Những câu văn dài trong bài văn của HS thể hiện cách tư duy thiếu mạch lạc, diễn đạt dài dòng, lủng củng, thiếu tính hàm súc. Ví dụ về câu dài, không đánh dấu ngắt câu khi câu đã kết thúc:

(43) *Bạn có thể không thông minh nhưng bạn có thể cố gắng vượt qua khó khăn qua từng ngày từng ngày*

(44) *Bạn không thể thông minh nhưng nếu bạn cố gắng thì bạn cũng đạt mục tiêu của mình*

Hoặc câu chưa đủ thành phần đã sử dụng dấu câu:

(45) *Tuy thế, tình yêu thương, trong giới trẻ hiện nay.*

(46) *Trong số các bạn ở đây. Đều có điện thoại thông minh.*

3. Kết luận

Từ nguồn ngữ liệu khảo sát, bài viết tập trung phân tích thực trạng viết tiếng Việt của HS (cụ thể ở đây là qua các bài viết ở môn Làm văn) ở Trường THCS Quyết Thắng, Thành phố

Sơn La. Qua phân tích có thể thấy rằng đa số HS đều mắc phải những lỗi viết trên cả ba phương diện: chính tả, từ ngữ và câu.

Về phương diện chữ viết, đáng chú ý là hiện tượng nhầm lẫn về mặt chính tả có xu hướng ngày càng phổ biến trong bài viết của HS. Lỗi về chính tả chủ yếu do sự không khớp nhau giữa âm và chữ, lỗi này có sự ảnh hưởng của cách phát âm đối với chữ viết. Về phương diện từ vựng, chúng tôi tập trung khảo sát và thống kê những lỗi dùng từ và thấy rằng: trong văn viết của HS đang chịu ảnh hưởng nhiều của những từ ngữ khẩu ngữ. Mặt khác, hiện tượng lặp từ, thừa từ vốn đặc trưng cho ngôn ngữ nói lại cũng thấy trong các bài văn viết của các em.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội.

[2] Đỗ Việt Hùng (1999), *Từ khái niệm năng lực ngôn ngữ đến việc dạy học tiếng việt trong trường phổ thông*, NXB Giáo dục.

Nhiều học sinh sử dụng từ ngữ chưa chính xác. Về phương diện câu, chúng tôi tiến hành khảo sát cấu trúc cú pháp quen dùng của HS, từ đó thấy rằng, có sự xuất hiện những câu văn dài, ngắt nghỉ không đúng chỗ, sai về phong cách, sử dụng dấu câu một cách tùy tiện.

Nhìn chung, năng lực viết tiếng Việt của các em HS còn nhiều hạn chế. Chữ viết của các em khá cầu thả, không tuân thủ các quy tắc viết tiếng Việt. Thực trạng đó là cơ sở để chúng tôi tiếp tục nghiên cứu về nguyên nhân và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực viết cho HS tại Trường THCS Quyết Thắng Thành phố Sơn La trong thời gian tới.

[3] Vũ Thị Thanh Hương (2006), “Từ khái niệm “năng lực giao tiếp” đến vấn đề dạy và học tiếng Việt Trong nhà trường phổ thông hiện nay”, *Tạp chí ngôn ngữ* (số 4).

[4] Bùi Minh Toán- Lê A- Đỗ Việt Hùng (2008), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục.

THE CURRENT STATE OF VIETNAMESE WRITING SKILLS OF STUDENTS AT QUYET THANG SECONDARY SCHOOL, SON LA CITY

Nguyen Thi Lan Phuong¹, Nguyen Van Tang²

¹Tay Bac University

² People's Committee, Dien Bien Dong district, Dien Bien province

Abstract: Vietnamese is the general language and official language of education, but for ethnic minority students, speaking and writing Vietnamese correctly is always an issue that needs research. The report focuses on surveying and assessing the current situation of Vietnamese writing capacity of students at Quyet Thang Middle School – Son La Province on the basis of the essay essays in terms of spelling, words and sentences. The data and survey results will be a practical basis for further research and propose measures to improve Vietnamese writing capacity for students of Quyet Thang Middle School – Son La Province in particular, students. ethnic minorities in general.

Keywords: Language capacity, writing capacity, ethnic minority language, teaching Vietnamese.